

Số: 02/2026/NQ-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 10 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

(V/v thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019; được sửa đổi, bổ sung năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam;
- Căn cứ kết quả kiểm phiếu tại Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được lập ngày 26/10/2026 của Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty (theo nội dung Tờ trình số 08/2026/TTr-HĐQT ngày 15/10/2026).

Điều 2. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Công ty (theo nội dung Tờ trình số 09/2026/TTr-HĐQT ngày 15/10/2026).

Điều 3. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty (theo nội dung Tờ trình số 09/2026/TTr-HĐQT ngày 15/10/2026).

Điều 4. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty (theo nội dung Tờ trình số 09/2026/TTr-HĐQT ngày 15/10/2026).

Điều 5. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cổ đông Công ty;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT;
- Lưu: VP.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG



TRẦN ĐỨC HUY

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019, được sửa đổi, bổ sung năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam (“Công ty”);
- Căn cứ tình hình và nhu cầu hoạt động của Công ty,

Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) xem xét thông qua một số nội dung liên quan tới việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty, cụ thể như sau:

1. Thay đổi ngành nghề kinh doanh của Công ty

1.1. Bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
1	Cho thuê xe có động cơ	7710
2	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Phân phối điện (không bao gồm thực hiện hoạt động “Truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành Thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	3513

1.2. Ngành nghề kinh doanh của Công ty sau khi hoàn thiện việc bổ sung như sau:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
1	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất các sản phẩm, bao bì nhựa phục vụ cho các ngành công - nông - ngư nghiệp - giao thông - vận tải - xây dựng - bưu chính viễn thông và dân dụng (trừ Sản Xuất xộp cách nhiệt sử dụng ga R141b, sử dụng polyol trộn sẵn HCFC-141b)	2220 (Chính)
2	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290

	Chi tiết: Sản xuất phụ tùng, linh kiện nhựa phục vụ cho các ngành công - nông - ngư nghiệp - giao thông - vận tải - xây dựng - bưu chính viễn thông và dân dụng. Chế tạo khuôn mẫu, phụ tùng ngành nhựa.	
3	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn hàng gia dụng; Bán buôn dụng cụ y tế, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối, theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622)) Loại trừ thực hiện quản lý, nhập khẩu, xuất khẩu, mua, bán, bảo quản, bảo vệ hàng hóa thuộc Danh mục dự trữ quốc gia.	4649
4	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn nguyên liệu, vật tư sản xuất ngành nhựa; Bán buôn nguyên liệu, vật tư, sản phẩm ngành nông - công nghiệp, xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối, theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622))	4679
5	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Chế tạo thiết bị máy móc ngành nhựa (không tái chế phế thải, rèn, đúc, cán kéo kim loại, dập, cắt, gò, hàn, sơn và xi mạ điện tại trụ sở).	2829
6	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp Chi tiết: mua bán máy móc thiết bị ngành nông nghiệp.	4653
7	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc thiết bị ngành công nghiệp, ngành xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối, theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622))	4659
8	In ấn Chi tiết: In trên bao bì (không hoạt động tại trụ sở) (không thực hiện các hoạt động in theo quy định tại Nghị định số 195/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 và Nghị định số 25/2018/NĐ-CP ngày 28/2/2018 sửa đổi bổ sung Nghị định số 60/2014/NĐ-CP ngày 19/6/2014)	1811

364
ÔN
Ổ
ÂN
TÊN
HỮ

9	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh nhà ở. Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi (không thực hiện “Đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng” theo mục A.I.7 – ngành nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với NĐTNN tại Nghị định số 31/2021/NĐ-CP)	6810
10	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai.	1105
11	Xây dựng công trình đường sắt	4211
12	Bán buôn đồ uống Chi tiết: mua bán nước tinh khiết đóng chai.	4633
13	Xây dựng công trình đường bộ	4212
14	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
15	Xây dựng nhà để ở	4101
16	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối, theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622)	4652
17	Xây dựng nhà không để ở	4102
18	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
19	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối, theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 61111)	4661
20	Bán lẻ ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4781
21	Bán buôn phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4662
22	Bán lẻ phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4782
23	Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651

 1086
 G T
 PH
 I PH
 TN
 - TP

	Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối, theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622)	
24	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối, theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622)	4673
25	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối, theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 622)	4690
26	Bán lẻ tổng hợp khác Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối, theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632)	4719
27	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông	4740
28	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính, vật liệu và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối, theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632)	4752
29	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối, theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632)	4759
30	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh Chi tiết: Bán lẻ dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối, theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632))	4772

	Loại trừ thực hiện quản lý, nhập khẩu, xuất khẩu, mua, bán, bảo quản, bảo vệ hàng hóa thuộc Danh mục dự trữ quốc gia.	
31	Bán lẻ hàng hóa khác mới (trừ ô tô, mô tô, xe máy và các bộ phận phụ trợ) Chi tiết: Bán lẻ máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện; Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa không thuộc diện cấm xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối, theo quy định pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên (CPC 632)).	4773
32	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng (Trừ bán lẻ sách báo, truyện, tạp chí cũ, kể cả cho thuê)	4774
33	Hoạt động dịch vụ trung gian bán lẻ (Trừ hoạt động đấu giá)	4790
34	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý. Môi giới. Đại lý ký gởi, mua bán hàng hóa (không kinh doanh các ngành nghề thuộc Danh mục hàng hóa NĐTNN, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định tại mục 16.A Phụ lục I Nghị định 31/2021/NĐ-CP)	4610
35	Bán lẻ đồ uống	4723
36	Sản xuất mỹ phẩm, nước hoa, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh Chi tiết: Sản xuất xà phòng giặt, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh (ngoại trừ sản xuất các sản phẩm cần đáp ứng điều kiện của cơ sở sản xuất mỹ phẩm theo Điều 3 và Điều 4 Nghị định số 93/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 quy định về điều kiện sản xuất mỹ phẩm)	2023
37	Cho thuê xe có động cơ	7710
38	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: Phân phối điện (không bao gồm thực hiện hoạt động “Truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia; Xây dựng và vận hành Thủy điện đa mục tiêu và điện hạt nhân có nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)	3513

2. Thông qua việc sửa đổi Điều lệ Công ty tương ứng với các nội dung cập nhật nêu trên:

- 2.1 Sửa đổi Điều 3.1 Điều lệ Công ty về Ngành, nghề kinh doanh của Công ty để phù hợp với nội dung thay đổi, cập nhật ngành nghề kinh doanh nêu tại Mục 1 Tờ trình này.
- 2.2 Thông qua việc ban hành toàn văn Điều lệ Công ty đã tích hợp nội dung được thay đổi, cập nhật nêu tại Mục 1 ở trên.

3. Triển khai thực hiện:

- Giao Người đại diện theo pháp luật chủ động hoàn thiện, ký, ban hành Điều lệ Công ty mới đã tích hợp nội dung được thay đổi, cập nhật nêu tại Mục 1 ở trên.
- Giao Người đại diện theo pháp luật triển khai thực hiện các thủ tục cần thiết để ghi nhận việc thay đổi, cập nhật một số ngành nghề kinh doanh của Công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty, quy định pháp luật và hướng dẫn của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, UBKT;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN ĐỨC HUY

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các quy chế quản trị nội bộ của Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020, được sửa đổi, bổ sung năm 2025 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019, được sửa đổi, bổ sung năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty,

Xuất phát từ nhu cầu thay đổi của Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam (“**Công ty**”) và cập nhật các quy định mới của pháp luật liên quan, căn cứ trên thực tiễn và mong muốn nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành hoạt động tại Công ty, Hội đồng quản trị đã tiến hành rà soát Điều lệ, quy chế quản trị nội bộ Công ty và dự thảo một số nội dung sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và nhu cầu quản trị, điều hành.

Do vậy, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua các công việc cụ thể như sau:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, cụ thể:

- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty với những nội dung sửa đổi, bổ sung được thể hiện chi tiết tại Phụ lục I đính kèm Tờ trình này.
- Thông qua việc ban hành toàn văn Điều lệ Công ty đã tích hợp nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên.
- Giao Người đại diện theo pháp luật chủ động hoàn thiện, ký, ban hành toàn văn Điều lệ Công ty mới theo đúng quy định sau khi các nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung các quy chế quản trị nội bộ của Công ty, cụ thể:

- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị với những nội dung sửa đổi, bổ sung được thể hiện chi tiết lần lượt tại Phụ lục II và Phụ lục III đính kèm Tờ trình này.
- Thông qua việc ban hành toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã tích hợp nội dung sửa đổi, bổ sung nêu trên.
- Giao Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ động hoàn thiện, ký, ban hành toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị mới theo đúng quy định sau khi các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.



Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, UBKT;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



TRẦN ĐỨC HUY

PHỤ LỤC I. CHI TIẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM

Điều khoản	Nội dung Điều lệ hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
Điều p Khoản 2 Điều 13		2. Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và Đại hội theo thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có quyền quyết định về các vấn đề sau: “p. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi bổ sung bởi Khoản 84 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ -CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155”;	Bổ sung điểm p Khoản 2 Điều 13 <i>(tài thứ tự các điểm phía sau xuống theo logic)</i> để phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (“Nghị định 155”) và khoản 83 Điều 1 Nghị định số 245/2025/NĐ -CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 155 (“Nghị định 245”)

10
TY
AN
H
NA
P.H

Điểm c Khoản 3 Điều 13	c. Các hợp đồng quy định tại Điểm o Khoản 3 Điều 13 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới có liên quan tới là một bên của hợp đồng;	c. Các hợp đồng quy định tại Điểm o và Điểm p Khoản 2 Điều 13 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới có liên quan tới là một bên của hợp đồng;	Sửa đổi Điểm c Khoản 3 Điều 13 để phù hợp với Khoản 2 Điều 13 của Điều lệ này
Điều 23	Điều 23. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 1. 2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty phải đảm bảo quy định sau: a. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; b. Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; c. Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên. 3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp; b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ này quy định khác.	Điều 23. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 1. 2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của Công ty phải đảm bảo quy định sau: a. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; b. Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; c. Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên. 3. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp; b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ này quy định khác.	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 277 Nghị định số 155 và Khoản 78, 79 và 80 Điều 1 Nghị định số 245.

	a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó. b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, con nuôi, mẹ ruột, cha ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty; d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ; f. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.	c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác. 4. Ngoài các điều kiện trên, thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó. b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty; d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty; e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ; f. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
--	---	---

	4. Thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông ứng cử, đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết, cụ thể: cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên, từ 65% trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên. 5. Cổ đông nắm giữ dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết có thể gộp số phiếu có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 23 khoản 4 trên đây. 6. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử. 7. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:	5. Thành viên của Hội đồng quản trị do các cổ đông ứng cử, đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết, cụ thể: cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên, từ 65% trở lên được đề cử đủ số lượng ứng viên. 6. Cổ đông nắm giữ dưới 10% số cổ phần có quyền biểu quyết có thể gộp số phiếu có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 23 khoản 5 Điều lệ này. 7. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử. 8. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau: a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị. Thời điểm thành viên Hội đồng quản trị này bị chấm dứt tư cách sẽ là thời điểm thành viên đó không còn đủ tư cách hoặc bị cấm tham gia vào Hội đồng quản trị mà không phụ thuộc vào thời điểm Đại hội đồng cổ đông ra quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm tư cách của thành viên đó;
--	---	---

	a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị. Thời điểm thành viên Hội đồng quản trị này bị chấm dứt tư cách sẽ là thời điểm thành viên đó không còn đủ tư cách hoặc bị cấm tham gia vào Hội đồng quản trị mà không phụ thuộc vào thời điểm Đại hội đồng cổ đông ra quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm tư cách của thành viên đó; b. Thành viên gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được Hội đồng quản trị chấp thuận; c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi. Trường hợp này Hội đồng quản trị có thể ra quyết định đình chỉ tư cách thành viên và liên đới chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý của quyết định này; d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng; e. Thành viên đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 9. Việc bầu, từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo và công bố thông tin theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 10. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ sau: a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty; b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận; c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
	a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị pháp luật cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị. Thời điểm thành viên Hội đồng quản trị này bị chấm dứt tư cách sẽ là thời điểm thành viên đó không còn đủ tư cách hoặc bị cấm tham gia vào Hội đồng quản trị mà không phụ thuộc vào thời điểm Đại hội đồng cổ đông ra quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm tư cách của thành viên đó; b. Thành viên gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được Hội đồng quản trị chấp thuận; c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi. Trường hợp này Hội đồng quản trị có thể ra quyết định đình chỉ tư cách thành viên và liên đới chịu trách nhiệm về cơ sở pháp lý của quyết định này; d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng 06 tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống, trừ trường hợp bất khả kháng; e. Thành viên đó bị miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

	f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật. 8. Việc bầu, từ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo và công bố thông tin theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật. f. Từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.	
Khoản 2 Điều 24	2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát hoạt động của người đại diện theo pháp luật và Ban Tổng giám đốc của Công ty.	2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm và nghĩa vụ sau đây: a. Giám sát hoạt động của người đại diện theo pháp luật và Ban Tổng giám đốc của Công ty. b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty. c. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty. d. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty. e. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. f. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng giám đốc và người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan. g. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của công ty.	Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 24 để phù hợp với quy định tại Điều 278 Nghị định 155 và Khoản 81 Điều 1 Nghị định 245.

		h. Thực hiện chỉ trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.	
Khoản 4 Điều 24	4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc và những người điều hành khác trong năm tài chính.	4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình và phải đảm bảo có các nội dung sau: a. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc và những người điều hành khác trong năm tài chính. b. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 163 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. c. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị. d. Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch. e. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.	Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 24 để phù hợp với quy định tại Điều 280 Nghị định 155 và khoản 82 Điều 1 Nghị định 245.
Khoản 10 Điều 35		10. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Thành viên Ủy ban kiểm toán của Công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 4 Điều 4 Luật Chứng khoán.	Bổ sung thêm khoản 10 Điều 35 để phù hợp với quy định tại khoản 83 Điều 1 Nghị định 245.



PHỤ LỤC II. CHI TIẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM

Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
Điều a khoản 1 Điều 2	a. “Công ty” là Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú có trụ sở tại 314 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP.HCM	a. “Công ty” là Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam có trụ sở tại 314 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, TP.Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cập nhật theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp lần thứ 28 ngày 27/11/2025.
Khoản 2 Điều 2	2. Chữ viết tắt a. “Đại hội đồng cổ đông”: ĐHĐCĐ b. “Hội đồng quản trị”: HĐQT c. “Ban kiểm toán nội bộ”: BKTNB d. “Ban Tổng Giám đốc”: BGD	2. Chữ viết tắt a. “Đại hội đồng cổ đông”: ĐHĐCĐ b. “Hội đồng quản trị”: HĐQT c. “Ủy ban kiểm toán”: UBKT d. “Ban Tổng Giám đốc”: BGD e. “Ủy ban chứng khoán nhà nước”: UBCKNN	
Khoản 1 Điều 6	1. Điều kiện và thể thức tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ, được quy định trong ứng tại Điều 17 và Điều 18 của Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết theo quy định tại Điều 18 của Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.	1. Điều kiện và thể thức tiến hành cuộc họp ĐHĐCĐ, được quy định trong ứng tại Điều 17 và Điều 18 của Điều lệ Công ty. ĐHĐCĐ thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại hội nghị trực tuyến hoặc kết hợp trực tiếp và trực tuyến hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Điểm b Khoản 11 Điều 18 Điều lệ.
Điều 12	Điều 12. Thành phần Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên HĐQT cụ thể sẽ do ĐHĐCĐ của Công ty quyết định. 2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; Thành viên HĐQT đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.	Điều 12. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 03 (ba) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định. 2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Tại mỗi kỳ bầu Hội đồng quản trị, Đại hội cổ đông	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Điều 23 Điều lệ, Điều 154 Luật Doanh nghiệp và Khoản 79 Điều 1 Nghị định 245.

PHỤ LỤC II
CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM
030

		phải quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị trong nhiệm kỳ. 3. Thành viên Hội đồng quản trị công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác. 4. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác. 5. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập. 6. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty phải đảm bảo quy định sau: a. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; b. Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; c. Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.	
Điều 19	Điều 19. Việc bổ nhiệm Đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý cấp cao khác 1. Người đại diện theo pháp luật sẽ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Các chức danh Tổng giám đốc, Kế toán trưởng sẽ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Biên bản và Nghị quyết của Hội đồng quản trị thông qua việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc sẽ đồng nghĩa với	Điều 19. Việc bổ nhiệm Đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý cấp cao khác 1. Người đại diện theo pháp luật sẽ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Các chức danh Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Thư ký công ty (nếu có), người phụ trách quản trị công ty sẽ do Hội đồng quản trị bổ nhiệm trên cơ sở đề xuất của Người đại diện theo pháp luật của Công ty.	Sửa đổi để phù hợp với Điều 29 và Khoản 1 Điều 30, Khoản 2 Điều 31 Điều lệ.

	quyết định bổ nhiệm Người đại diện theo pháp luật của Công ty. 2. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm của Công ty. 3. Số lượng cán bộ quản lý trong từng thời kỳ do Tổng giám đốc của Công ty quyết định. Các chức danh quản lý khác trong Công ty bao gồm: các Phó tổng giám đốc, Luật sư công ty, Giám đốc chi nhánh, trưởng/ phó phòng/ban, quản đốc phân xưởng và các chức danh quản lý khác trong Công ty sẽ do Tổng giám đốc của Công ty bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm.	2. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm của Công ty. 3. Số lượng cán bộ quản lý trong từng thời kỳ do Tổng giám đốc của Công ty quyết định. Các chức danh quản lý khác trong Công ty bao gồm: các Phó tổng giám đốc, Luật sư công ty, Giám đốc chi nhánh, trưởng/ phó phòng/ban, quản đốc phân xưởng và các chức danh quản lý khác trong Công ty sẽ do Tổng giám đốc của Công ty bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm.	
Khoản 10 Điều 23	10. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.	10. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.	Bổ sung khoản 10 Điều 23 để phù hợp với Khoản 10 Điều 35 Điều lệ và Khoản 83 Điều 1 Nghị định 245.

PHỤ LỤC III. CHI TIẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN PHÚ VIỆT NAM

Điều khoản	Nội dung Quy chế hiện tại	Nội dung sửa đổi, bổ sung	Lý do sửa đổi
Khoản 3 Điều 3	3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị	3. Từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị	Sửa đổi để phù hợp với quy định tại Khoản 80 Điều 1 Nghị định 245.
Điều 5	Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị có ít nhất là năm (05) thành viên và nhiều nhất là mười một (11) thành viên). Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị. 2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế một cá nhân chỉ được bầu làm nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Thành viên Hội đồng quản trị công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Thành viên Hội đồng quản trị tại quá 05 công ty khác. 3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác. 4. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất bằng tổng số thành viên Hội đồng quản trị. 5. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.	Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là 03 (ba) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Số lượng thành viên hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng cổ đông của Công ty quyết định. 2. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Thành viên Hội đồng quản trị công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác. 3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác. 4. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất bằng tổng số thành viên Hội đồng quản trị. 5. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Điều 23 Điều lệ và Khoản 78, 79 Điều 1 Nghị định 245.

	hợp Điều lệ công ty có quy định khác. 4. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất bằng tổng số thành viên Hội đồng quản trị. 5. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.	6. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty phải đảm bảo quy định sau: a. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên; b. Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên; c. Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.	
Điểm c khoản 1 Điều 6	c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác	c) Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên tại tối đa 05 công ty khác.	Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Khoản 78 Điều 1 Nghị định 245.
Điều 11	Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị 1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. 2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau: a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;	Điều 11. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. 2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm và nghĩa vụ sau đây: a. Giám sát hoạt động của người đại diện theo pháp luật và Ban Tổng giám đốc của Công ty. b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty. c. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty. d. Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty. e. Xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. f. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ủy ban Kiểm toán, Tổng giám đốc và	Điều chỉnh để phù hợp với Điều 24 Điều lệ Công ty, Điều 278 Nghị định 155 và Khoản 81 Điều 1 Nghị định 245.

	c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác; d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty; đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp; e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp; i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Ủy Ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối, quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Tổng giám đốc; và quyết định mức lương, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi	người quản lý khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Công ty sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan. g. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị công ty và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị công ty và người quản lý khác của công ty. h. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua. 3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác (Bao gồm nhưng không giới hạn hình thức phát hành trái phiếu không chuyển đổi); d) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty; e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Luật Doanh nghiệp; f) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 25% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; Báo cáo tài chính gần nhất được hiểu là báo cáo tài chính của Công ty được lập không quá 90 ngày trước ngày ra quyết định. g) Thông qua các giao dịch có giá trị từ 25% đến dưới 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính gần nhất với các đối tượng thuộc quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp. h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài
--	---	--

	nhiệm Kế toán trưởng, Thư ký hội đồng Quản trị (nếu có), Người phụ trách quản trị Công ty (Người đại diện theo pháp luật của Công ty sẽ ký kết/chấm dứt hợp đồng lao động đối với các trường hợp này trên cơ sở quyết định của Hội đồng quản trị); cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập, giải thể, sáp nhập chi nhánh, văn phòng đại diện, các phân xưởng của Công ty và việc thành lập/giải thể công ty con, góp vốn, mua/bán cổ phần của doanh nghiệp khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết; n) Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông; o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;	chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp; i) Cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Công ty tại các công ty khác. j) Quyết định thành lập, giải thể, sáp nhập các chi nhánh, các văn phòng đại diện, các phân xưởng của Công ty. k) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Ủy ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị; l) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; m) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Tổng giám đốc. n) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và quyết định mức lương của Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị (nếu có), người phụ trách quản trị công ty. Người đại diện theo pháp luật của Công ty sẽ ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với Kế toán trưởng, Thư ký Hội đồng quản trị, Người phụ trách quản trị công ty trên cơ sở quyết định của Hội đồng quản trị. o) Thông qua các quy chế quản lý nội bộ của công ty trên cơ sở đề xuất của Ban Tổng giám đốc; p) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định; q) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; Quyết định phân bổ các quỹ của Công ty đúng với mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. r) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
--	---	---

	p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty; q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị. r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty. 3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết. 4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.	s) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông; t) Kiến nghị việc hợp nhất, sáp nhập, tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty; u) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. v) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty; w) Quyết định thành lập công ty con, góp vốn, mua bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; x) Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ; y) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình. z) Được quyền thực hiện các công việc do ĐHĐCĐ ủy quyền, bao gồm nhưng không giới hạn việc thông qua, điều chỉnh mục đích, phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ các đợt chào bán, đợt phát hành nếu được ĐHĐCĐ ủy quyền; các công việc ủy quyền khác theo quyết định của ĐHĐCĐ trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật. aa) Được ủy quyền cho người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện các công việc cần thiết trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật.
--	--	---

4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng giám đốc và những người điều hành khác trong năm tài chính.

5. Trừ khi luật pháp quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và/hoặc người quản lý khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

6. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.

7. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty và thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty

8. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành (bao gồm cả chức vụ Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các Ủy ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

9. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các ủy ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 18	Điều 18. Trình báo cáo hằng năm 1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây: a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty; b) Báo cáo tài chính; c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;	Điều 18. Trình báo cáo hằng năm 1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây: a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty; b) Báo cáo tài chính; c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty; d) Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.	Sửa đổi, bổ sung để phù hợp với Điều 24 Điều lệ và Khoản 82 Điều 1 Nghị định 245.
-----------------------	--	---	--



